TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/02/2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị B Phương

Ông Chu Văn Hùng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Bà Thái Thị Hải Y - Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 581/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1995 - Có mặt.
HKTT: Xóm PT, xã PTr, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn NA, sinh năm 1997 - Vắng mặt.
HKTT: Xóm PT, xã PTr, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc B trình bày: Chị và anh Nguyễn NA kết hôn ngày 25/9/2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã PTr, TPTN, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, chồng tôi thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, không còn quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ con. Sau đó chồng tôi vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án 42 tháng về tội ma tuý. Sau khi đi chấp hành án về chồng chị không cải sửa mà lại tiếp tục chơi bời, đánh đập tôi, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung tên là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 27/4/2020. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh Nguyễn NA cấp dưỡng.

Về tài sản chung và khoản nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn NA không hợp tác, không đến Toà án để giải quyết nên không có lời khai. Toà án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú về tình trạng hôn nhân của chị B và anh NA: Bà Dương Thị Y là mẹ đẻ của anh NA xác định: Con trai bà và con dâu là Lê Thị Ngọc B có kết hôn với nhau năm 2019, tuy nhiên sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, con trai bà có dính vào tệ nạn xã hội (sử dụng ma tuý, ngáo đá) nên thường xuyên đánh đập con dâu, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi, đi đâu, làm gi bà không rõ nhưng vẫn có hộ khẩu tại địa phương. Bà Y xác định con trai bà có mắc tệ nạn xã hội (sử dụng ma tuý) nên con dâu phải làm đơn ly hôn. Bà đã thông tin cho con trai biết về việc con dâu là Ngọc B xin ly hôn thì anh NA không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án, anh NA không đến Toà án để giải quyết, Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên phải đưa vụ kiện ra xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị B được ly hôn với anh NA; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo L, sinh ngày 27/4/2020 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, anh NA có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu nên không giải quyết; Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không hợp tác, không đến Toà án để giải quyết, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân**:** Chị B kết hôn với anh NA năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã PTr, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh NA vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án. Sau khi chấp hành án về anh NA tiếp tục mắc tệ nạn xã hội, thường xuyên đánh đập vợ con, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Tại phiên tòa chị B vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh NA. Anh Nguyễn NA vắng mặt tại phiên toà. Hội đồng xét xử xét thấy; mâu thuẫn giữa chị B và anh NA đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần xử cho chị B được ly hôn anh NA là phù hợp.

[2.3]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Lê Thị Ngọc B và anh Nguyễn NA có 1 con chung tên là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 27/4/2020, do anh NA nghiện ma tuý, thường xuyên vắng mặt tại gia đình, không chăm sóc con, không đảm bảo cuộc sống của con, nên giao con Nguyễn Bảo L cho chị Lê Thị Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh NA có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị B không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

2.5. Về án phí: Trong vụ án này chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nộp vào ngân sách nhà nước.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc B

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Ngọc B được ly hôn anh Nguyễn NA.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Bảo L, sinh ngày 27/4/2020 cho chị Lê Thị Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn NA có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không giải quyết

4. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0003283 ngày 14/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Báo cho chị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh NA được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- THAD TP. Thái Nguyên;
- UBND xã PTr, TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Dương Thị Liên